

GIÁO SƯ, TIẾN SĨ PHẠM ĐỨC DƯƠNG - NGƯỜI TRUYỀN LỬA VÀ ĐAM MÊ NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC TRÒ

ĐOÀN VĂN PHÚC
(PGS.TS; Viện Ngôn ngữ học)

Cả giới ngôn ngữ học, văn hóa học và nhiều ngành khoa học khác bàng hoàng khi nghe tin Giáo sư Tiến sĩ Phạm Đức Dương đã vĩnh biệt gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và các học trò thân yêu lúc 3 giờ 32 phút ngày 8 tháng 12 năm 2013 (tức ngày 6 tháng 11 năm Quý Tị), hưởng dương 84 tuổi. GS.TS Phạm Đức Dương mất đi, ngành ngôn ngữ học mất đi một cây đại thụ, một nhà ngôn ngữ học, một nhà khoa học tận tâm vì sự nghiệp nghiên cứu ngôn ngữ - văn hóa các dân tộc ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Giáo sư Tiến sĩ Phạm Đức Dương sinh ngày 21 tháng 10 năm 1930 tại làng Đông Thái (mà trong dân gian hay gọi là làng Khoa bảng), xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh trong một gia đình nông dân nghèo.

Đầu năm 1947, ông tham gia quân đội và trở thành "anh bộ đội Cụ Hồ" trong những ngày đầu chống thực dân Pháp, rồi trong đội quân tình nguyện Việt Nam tại Lào. Trải qua 9 năm kháng chiến trường kì gian khổ và sống trong môi trường của đoàn quân tình nguyện ấy, ông đã được tắm mình trong môi trường của ngôn ngữ-văn hóa Lào. Tại xứ sở Triệu Voi, ông đã đi qua nhiều vùng đất của Lào, từ núi rừng Khăm Muộn đến cao nguyên Na Kai, Xiêng Khoảng, rồi qua vùng đồng bằng Thà Khẹt của Savanakhét, lại ngược dòng Mè Khoảng tới Viêng Chăn, Luang Prabang... Ở những nơi đã đóng quân và đi qua, ông có dịp tiếp xúc với cán bộ, nhân dân các bộ tộc Lào nói những ngôn ngữ thuộc các ngữ hệ khác nhau ở khu vực Đông Nam Á. Chính những năm tháng đó, ông đã học và sử dụng khá thông thạo tiếng Lào, am hiểu được phong tục, tập quán, đặc biệt là cảnh huống ngôn ngữ ở đất nước này vào thời kì đó. Cũng chính nhờ những tháng năm lăn lộn ở xứ Triệu Voi, mà ông cảm nhận được cái chất văn hóa Lào theo cách nói của ông là "*theo con đường trực giác*", thích các hoạt động văn hóa Lào, kiểu như: thích ăn gói cá (lạp cọi), thích ăn canh măng nấu với mắm cá (páđec), thích múa lăm vông, và cũng thích tán tỉnh (en xáo) các cô gái Lào bằng mấy câu ngạn ngữ (xu pha xít)... Ông cho rằng, chính bằng những cảm nhận sâu sắc ấy thông qua ngôn ngữ mà sau này khi nghiên cứu khoa học về tiếng Lào, văn hóa Lào ông có thể bắt đầu như tư cách một người bản ngữ.

Sau kháng chiến chống Pháp, ông trở về, được cử đi học bổ túc công nông, và sau đó trở thành sinh viên khóa IV (1959 - 1963) Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Tại đây, với những hiểu biết khá sâu sắc về ngôn ngữ và văn hóa Lào, ông đã viết khóa luận tốt nghiệp với đề tài "*Ngữ âm tiếng Lào hiện đại*". Năm 1963, sau khi tốt nghiệp Đại học Tổng hợp, ông về công tác tại Tổ ngôn ngữ thuộc Viện Văn học, Ủy ban Khoa học nhà nước. Trong thời gian này, ông nghiên cứu những vấn đề ngữ âm và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Có thể nói, dấu chân của ông đã đặt đến khắp các vùng cư trú của các dân tộc sử dụng các ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Hán Tạng, Thái-Kadai, Hmông-Dao, Nam Á ở các tỉnh phía bắc. Năm 1966, ông được cử đi nghiên cứu sinh tại Viện Đông phương học, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô (cũ). Tại đây, năm 1970, ông đã bảo vệ thành công luận án Phó tiến sĩ (nay là tiến sĩ) với đề tài "*Hệ thống thanh điệu và thanh phổ các nguyên âm tiếng Lào Viêng Chăn*" dưới sự hướng dẫn của nhà ngôn ngữ học Xô Viết Ju. Ja. Plam. Khi ông về nước, Viện Ngôn ngữ học đã được thành lập, và ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban ngữ âm - ngôn ngữ dân tộc thiểu số (khi đó gọi là Ban chữ không phải Phòng như bây giờ). Đến năm 1973, theo yêu cầu công tác, ông được điều sang giữ chức vụ Thư kí khoa học, rồi Phó ban Ban Đông Nam Á (Ban tương

đương Viện), Trưởng ban, và Viện trưởng Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. Năm 2000, ông chính thức được nghỉ hưu theo chế độ.

Sáu mươi sáu năm (1947 - 2013), từ anh bộ đội Cụ Hồ, một người lính tình nguyện rồi trở thành một trong những nhà khoa học đầu ngành về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và ngành Đông Nam Á học là cả một hành trình suốt đời phấn đấu vì tình yêu, lòng đam mê với sự nghiệp nghiên cứu khoa học: ngôn ngữ-văn hóa. Theo ông, chính những năm tháng trong đội quân tình nguyện ở Lào, ông đã có dịp tiếp xúc với nhiều nhóm cư dân nói các ngôn ngữ Việt Mường (tiếng Cọi/Khạ Phonsoung ở bản Ma Ca, tiếng Khạ Phoọng ở bản Pư, bản Toong, tiếng Séc ở bản Tong, tiếng Sô (Sô) ở các bản Huồi Xài, Chạng Vạng) thuộc huyện Na Kai - nay là huyện U đôm xú; Thái-Kadai ở vùng Khăm Muộn (Lào) cùng với những tháng năm lăn lộn ở khắp các vùng dân tộc ở Việt Nam nói các ngôn ngữ thuộc nhiều ngữ hệ: Nam Đảo, Nam Á, Thái - Kadai, Hán Tạng, Hmông - Dao mà ông có được những kiến giải khá sâu sắc về mối quan hệ của các ngôn ngữ trong sự tiếp xúc và biến đổi. Dựa trên cách tiếp cận song ngữ luận, ông cho rằng trong quá trình tiếp xúc sẽ dẫn đến sự hình thành những ngôn ngữ pha trộn (*langue mixte*). Lí thuyết của ông chính là: *từ một ngôn ngữ A tiếp xúc với ngôn ngữ B, dần dần A bị giải thể cấu trúc và các yếu tố của nó được vận hành theo cơ chế của B và ta có một ngôn ngữ C... Những ngôn ngữ pha trộn này còn giữ lại trong cơ tầng những yếu tố của ngôn ngữ gốc và vận hành theo cơ chế hay là tái cấu trúc mô phỏng của ngôn ngữ tiếp xúc*. Và để rồi cũng chính từ đây, ông xây dựng một giả thiết về một ngữ hệ Đông Nam Á tiền sử, dựng lại cái vỏ âm tiết CCVC của chúng thời cổ xưa đến mô hình đơn tiết CVC của các ngôn ngữ lục địa, và mô hình đa tiết CVCVCV... của các ngôn ngữ ở hải đảo Đông Nam Á. Trên cơ sở lí luận về tiếp xúc ngôn ngữ, ông lí giải quá trình biến đổi của các ngôn ngữ khu vực Đông Nam Á (cả ở lục địa lẫn hải đảo), lí giải sự hình thành các ngôn ngữ Thái - Kadai, Hmông-Dao, các ngôn ngữ nhóm Việt-Mường, các ngôn ngữ Chamic... Theo ông, có nhiều ngôn ngữ, nhóm ngôn ngữ ở khu vực Đông Nam Á được nảy sinh do sự tiếp xúc. Đó là: Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường có cơ tầng Môn- Khơ me và cơ chế Tày Thái; Nhóm Chăm (Chăm) có cơ tầng Mã Lai và cơ chế Môn - Khơ me; Nhóm Lê có cơ tầng Mã Lai và cơ chế Thái; Nhóm Mèo - Dao có cơ tầng Nam Á và cơ chế Tạng - Miến; Nhóm Karen có cơ tầng Môn và cơ chế Tạng - Miến... Tư tưởng này của ông được thể hiện tập trung nhất trong công trình - cuốn sách đầu tay: *"Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á"*, 1983 (viết chung với PGS Phan Ngọc) nhân dịp kỉ niệm 10 năm thành lập Ban Đông Nam Á (1973 - 1983). 24 năm sau, giả thiết này của ông được hoàn thiện hơn khi ông viết *Bức tranh ngôn ngữ - văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á* (2007). Có thể nói, đây là một trong những bước đột phá về học thuật của ông khi nghiên cứu mối quan hệ cội nguồn và tiếp xúc của các ngôn ngữ khu vực, làm cơ sở lí luận cho những công trình khoa học về ngôn ngữ - văn hóa cũng như lí luận về tiếp xúc ngôn ngữ sau này của chính ông.

Trong những năm làm công tác quản lí, ông đã không có nhiều thời gian để có thể viết những công trình khoa học của mình. Năm 1995, sau khi nghỉ công tác quản lí, và được dứt khỏi các công việc mang tính hành chính sự vụ, ông mới có điều kiện tập trung thời gian cho nghiên cứu khoa học nhiều hơn. Chỉ trong một thời gian ngắn, ông đã có hơn một chục cuốn sách và rất nhiều bài báo, báo cáo khoa học trong nước và quốc tế. Đó là những cuốn sách ghi dấu ấn và tư tưởng khoa học chín muồi của ông về tiếp xúc ngôn ngữ, về ngôn ngữ - văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á. Đó là những công trình, như: *25 năm tiếp cận Đông Nam Á học* (1998), *Ngôn ngữ và văn hóa Lào trong bối cảnh Đông Nam Á* (1998), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á* (2000), *Văn hóa Đông Nam Á* (2001, viết chung với Trần Thị Thu Hương), *Từ văn hóa đến văn hóa học* (2002), *Bức tranh ngôn ngữ - văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á* (2007), *Việt Nam - Đông Nam Á - Ngôn ngữ và văn hóa* (2007)...

66 năm hoạt động của cuộc đời, trong đó có 37 năm là một cán bộ nghiên cứu khoa học, GS.TS Phạm Đức Dương đã để lại những dấu ấn trong cuộc đời khoa học khá đồ sộ không chỉ bằng mấy chục cuốn sách và hơn 150 bài báo, báo cáo khoa học đã đăng tải trên các tạp chí, báo... mà còn là một tấm gương khắc phục khó khăn, một ý chí vươn lên và quyết tâm đi tới cùng của một con người đam mê và có tình yêu khoa học, cũng như sự quan tâm đào tạo thế hệ tương lai.

Là một nhà quản lý ở lĩnh vực nghiên cứu khoa học, GS.TS Phạm Đức Dương luôn quan tâm hàng đầu đến việc đào tạo đội ngũ các nhà khoa học cho tương lai. Điều đáng quý nhất ở GS. TS Phạm Đức Dương chính là ông luôn biết cách động viên, truyền lửa và tình yêu khoa học với ngành ngôn ngữ học, đặc biệt là tình yêu với nghiên cứu ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam và Đông Nam Á cho học trò. Cũng giống như nhiều nhà ngôn ngữ học nổi tiếng ở Việt Nam, ông đã dạy cho học trò những thứ mà ông gọi là "mẹo nhỏ" được đúc kết từ kinh nghiệm của chính bản thân khi nghiên cứu ngữ âm, khi xử lý tư liệu ngôn ngữ dân tộc thiểu số trên thực địa. Cũng như GS.TS. Nhà giáo Nhân dân Nguyễn Tài Cẩn, từ thực tiễn nghiên cứu tiếng Lào và văn hóa Lào, GS.TS. Phạm Đức Dương luôn khuyên thế hệ đi sau, nhất là đối với học trò của mình: *"Muốn nghiên cứu ngôn ngữ dân tộc thiểu số, phải học cho thạo một ngôn ngữ để nghiên cứu nó rồi từ đó học sang các thứ tiếng khác có liên quan. Nếu không biết và thạo ngôn ngữ đối tượng thì mọi nghiên cứu về nó chỉ là sự lắp ghép, chấp vá những kiến thức Việt ngữ chuyển đi vào ngôn ngữ đối tượng hay sự ngụy biện mà thôi"*.

Không chỉ là một nhà quản lý, nhà khoa học trong môi trường chuyên ngành của mình, ông còn tham gia các hoạt động khoa học ở các trường đại học, các tổ chức khoa học, nghề nghiệp về Đông Nam Á. Ông là một trong những người sáng lập và là Chủ tịch đầu tiên và vẫn là Chủ tịch Hội nghiên cứu khoa học Đông Nam Á - Việt Nam (SEARAV) đến khi ông mất, Tổng biên tập Tạp chí Việt Nam - Đông Nam Á ngày nay (1995 - 2000); Ủy viên Hội đồng biên tập Tạp chí Sciences Sociales (1990 - 1995). Ông còn là giáo sư kiêm nhiệm ở Khoa Ngữ Văn (sau này là Khoa Ngôn ngữ học) ở Trường Đại học Tổng hợp (nay là Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội) từ năm 1980 đến năm 2005, và là GS thỉnh giảng ở rất nhiều trường đại học khác. Ngoài ra, ông còn hoạt động khoa học và tham gia các chức vụ ở Hội nước sạch và vệ sinh môi trường Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu văn hóa Phương Đông - IOS thuộc SEARAV, Viện trưởng Viện Phát triển Ngôn ngữ học thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng biên tập Tạp chí Đông Nam Á thuộc SEARAV; thành viên UNESCO Việt Nam...

Mặc dù đã ở tuổi 83, song ông vẫn còn tiếp tục các hoạt động khoa học, tham gia các cuộc hội thảo khoa học, vẫn tiếp tục giảng bài cho các học viên cao học, các lớp nghiên cứu sinh liên quan đến ngôn ngữ - văn hóa tộc người.

Tuy công tác ở Viện Ngôn ngữ học chỉ có 10 năm (1963 - 1973), song những ý tưởng về ngữ âm - ngôn ngữ các dân tộc thiểu số và chiến lược nghiên cứu khoa học của ông có ảnh hưởng không nhỏ đến Viện Ngôn ngữ học. Những ảnh hưởng về tư tưởng học thuật và tình yêu khoa học của ông in đậm ở nhiều thế hệ cán bộ trẻ, các học trò của ông khi nghiên cứu về tiếp xúc ngôn ngữ, về ngôn ngữ - văn hóa cũng như nghiên cứu về khu vực học.

Với những thành tích trong hoạt động khoa học và đào tạo, năm 1991, ông được phong học hàm Giáo sư Ngôn ngữ học. Những công lao, đóng góp của ông trong hơn 60 năm qua vì khoa học, hòa bình và đoàn kết quốc tế... đã được ghi nhận. GS.TS Phạm Đức Dương đã được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương cao quý như: Huân chương Lao động Hạng nhất; Huân chương Tự do hạng Nhất (do Chính phủ Lào trao tặng); Huân chương Kháng chiến hạng Ba; Huân chương chống Mĩ hạng Ba; Huy hiệu Kháng chiến; Huy chương vì Sự nghiệp Quốc tế, Vì Sự nghiệp Khoa học, Vì Sự nghiệp UNESCO, Vì sự nghiệp Đoàn Thanh niên, Vì Sự nghiệp Dân tộc...

